

Số: 1337/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định kết quả cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giai đoạn 2023-2030;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả cải cách hành chính các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giai đoạn 2023 - 2030 tại Tờ trình số 1288/TTr-HĐTĐ ngày 16/6/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả xếp loại Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố năm 2022 (có Phụ lục số 01, 02 kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đầy mạnh, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Trùng*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các thành viên Tổ giúp việc Hội đồng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

*AS*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Văn Hoàn**



**Phụ lục số 01**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**  
(Kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Năm 2022			
		Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Chỉ số đạt được	Xếp loại
1	Sở Tư pháp	95,62	94,03	94,03%	Tốt
2	Sở Nội vụ	94,5	93,75	93,75%	Tốt
3	Sở Thông tin và Truyền thông	97,43	93,51	93,51%	Tốt
4	Sở Xây dựng	94,5	92,41	92,41%	Tốt
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	97,46	91,94	91,94%	Tốt
6	Sở Tài chính	99,6	91,91	91,91%	Tốt
7	Sở Giao thông vận tải	98,5	91,17	91,17%	Tốt
8	Sở Công thương	95,87	88,75	88,75%	Khá
9	Sở Khoa học và Công nghệ	98	87,58	87,58%	Khá
10	Thanh tra tỉnh	94	86,43	86,43%	Khá
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	95	86,38	86,38%	Khá
12	Ban Quản lý Khu kinh tế và Các khu công nghiệp tỉnh	97	86,23	86,23%	Khá
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	97	85,90	85,90%	Khá
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	86,5	85,45	85,45%	Khá
15	Sở Y tế	100	85,37	85,37%	Khá
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	99,5	79,39	79,39%	Trung bình
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	92,5	78,27	78,27%	Trung bình



Phụ lục số 02

**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 7137/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Năm 2022			
		Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Chỉ số đạt được	Xếp loại
1	UBND huyện Thái Thụy	100	91,61	91,61%	Tốt
2	UBND huyện Quỳnh Phụ	95,34	90,58	90,58%	Tốt
3	UBND thành phố Thái Bình	98,3	90,45	90,45%	Tốt
4	UBND huyện Tiền Hải	91,30	86,77	86,77%	Khá
5	UBND huyện Đông Hưng	94,75	84,29	84,29%	Khá
6	UBND huyện Kiến Xương	95,28	84,17	84,17%	Khá
7	UBND huyện Hưng Hà	91,70	83,75	83,75%	Khá
8	UBND huyện Vũ Thư	90,07	82,84	82,84%	Khá